



INCOMFISH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

A 77/I Đường số 7 KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: 848. 3 7653145 Fax: 848. 3 7653136 E.mail: incomfish@incomfish.com Website: www.incomfish.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I.1 Tổng quan về Công ty

- ❖ Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**
- ❖ Tên tiếng Anh : **INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt : **INCOMFISH**
- ❖ Trụ sở chính : Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại : (84-8) 37 653 145
- ❖ Fax : (84-8) 37 652 162 – (84-8) 37 653 136
- ❖ E-mail : incomfish@incomfish.com
- ❖ Website : www.incomfish.com
- ❖ Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD số 064100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/3/2000, thay đổi lần 2 ngày 04/12/2000, thay đổi lần 3 ngày 08/12/2000, thay đổi lần 4 ngày 15/3/2001, thay đổi lần 5 ngày 18/6/2001, thay đổi lần 6 ngày 13/6/2002, thay đổi lần 7 ngày 31/7/2002, thay đổi lần 8 ngày 07/4/2004, thay đổi lần 9 ngày 03/8/2004, thay đổi lần 10 ngày 17/12/2004, thay đổi lần 11 ngày 16/01/2006, thay đổi lần 12 ngày 02/11/2006, thay đổi lần 13 ngày 29/6/2007, thay đổi lần 14 ngày 16/10/2007, thay đổi lần 15 ngày 07/01/2008 và thay đổi lần 16 ngày 25/02/2008.
- ❖ Tài khoản : 007.100.1099541 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, CN Tp. Hồ Chí Minh
- ❖ Mã số thuế : 0 3 0 1 8 0 5 6 9 6
- ❖ **Ngành nghề kinh doanh được cấp giấy phép**
 - Nuôi trồng thủy sản;
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
 - Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá – tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo nghề;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hóa, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Đại lý vận tải bằng đường biển và đường hàng không;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe; thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (INCOMFISH) được thành lập ngày 01/9/1999 với lĩnh vực hoạt động chính là đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy sản đông lạnh.

Là Công ty được thành lập trên cơ sở đóng góp của các cổ đông là thể nhân và pháp nhân mới dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp.

Đến năm 2001, căn cứ theo kế hoạch định hướng khi thành lập nhằm đảm bảo phát triển Công ty bền vững và lâu dài, đồng thời để chủ động nguồn cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu, Công ty đã triển khai dự án xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc – Tp. Hồ Chí Minh.

Sau hơn một năm xây dựng từ năm 2001 đến tháng 6/2002, Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất sản xuất ổn định các mặt hàng

có giá trị gia tăng là 6.500 tấn/năm đã đi vào sản xuất thử, sau đó đi vào sản xuất chính thức từ đầu năm 2003 cho đến nay.

Nhà máy Incomfish được đầu tư để chế biến thủy sản, thực phẩm với đa dạng sản phẩm, được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ.

Ngay từ khi bắt đầu hoạt động, Công ty Incomfish đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng xuyên suốt quá trình sản xuất để đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm như: HACCP, BRC (Brittish Retail Consortium), ISO 9001:2000, IFS (Intrenational Food Standard), ACC (Aquaculture Certificate Council), MSC (Marine Stewardships Council). Ngoài ra, trong năm 2008 Công ty triển khai thực hiện và đã đạt tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội - SA 8000 (Social Accountability) do tổ chức tư vấn TUV NORD cấp. Việc duy trì các tiêu chuẩn trên qua tái đánh giá hàng năm của các tổ chức tư vấn quốc tế đều đạt yêu cầu.

Ngoài đội ngũ quản lý chất lượng được đào tạo chuyên nghiệp, Công ty Incomfish còn quy tụ được đội ngũ nhà quản lý gồm những người quản trị Công ty đã kinh qua lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản, có gần 30 năm kinh nghiệm trên thương trường quốc tế.

Với mặt hàng chủ lực là các sản phẩm giá trị gia tăng trực tiếp vào siêu thị Châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ và một số thị trường đặc biệt khó tính khác, ... đã tạo cho Công ty Incomfish có lợi thế cạnh tranh cao so với các nhà máy khác trong nước và khu vực.

Công ty Incomfish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với các code: DL 189, DL 368, NM 188 và HK 187. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp thực phẩm cho cộng đồng Hồi giáo trên toàn thế giới thông qua giấy chứng nhận Halal do tổ chức Hồi giáo quốc tế cấp.

Công ty là thành viên của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI).

Vào ngày 29/11/2006, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận số 47/TTGDHN-ĐKGD về việc được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã giao dịch phiên đầu tiên ngày 18/12/2006 và sau một năm giao dịch tại Hà nội, Công ty đã chuyển về giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HoSE) theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của HoSE.

1.3 Định hướng phát triển-

Với phương châm “Chất lượng hôm nay - Thị trường ngày mai” Công ty Incomfish đã định hướng chiến lược phát triển lâu dài và bền vững, Công ty đã không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Để không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường, Công ty đã hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á châu (ACOMFISH) xây dựng Nhà máy đông lạnh chuyên sản xuất cá tra xuất khẩu ở Huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp trong chương trình hợp tác kinh tế, xã hội giai đoạn từ năm 2007 - 2010 giữa UBND Tp. Hồ Chí Minh và UBND Tỉnh Đồng Tháp.

Dự án Nhà máy đông lạnh Đồng Tháp đã bắt đầu sản xuất thử vào ngày 06/3/2010 và đã xuất khẩu những lô hàng đầu tiên vào thị trường Mỹ. Dự kiến đi vào sản xuất chính thức từ ngày 01/6/2010, đây cũng là thời điểm thuận lợi của mùa nguyên liệu cũng như nhu cầu của thị trường vào những tháng cuối năm, sẽ góp phần tăng sản lượng và giá trị ngoại tệ xuất khẩu trong năm 2010 và những năm tiếp theo.

Ngoài ra, với chiến lược phát triển về trung và dài hạn, Công ty cũng đã quyết định đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, thương mại :

1/ Góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại VEGA đầu tư dự án tại Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Xây dựng các Cửa hàng, Siêu thị, Nhà hàng và Căn hộ cao cấp với Tổng diện tích là 16.000 mét vuông mặt đất, xây dựng 45% tương đương 7.200 mét vuông và đã được Thành phố đã duyệt 15 tầng, như vậy tổng diện tích xây dựng sẽ là 108.000 mét vuông. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 778 tỷ đồng, nguồn vốn cho Dự án này sẽ được thu từ việc phát hành cổ phiếu. Dự kiến khởi công vào Quý 4/2010.

2/ Góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Saga để xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê (tại số 32 đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh). Đây là một vị trí mang tính chiến lược tọa lạc tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng do UBND Tp.HCM qui hoạch lại Trung tâm Thành phố nên các Dự án Xây dựng nằm trong Trung tâm TP đều phải tạm dừng lại toàn bộ.

III/ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2009 kết thúc với đặc điểm nổi bật là thời điểm mà ngành Thủy sản Việt nam phải vượt qua nhiều khó khăn do ảnh hưởng của việc suy thoái kinh tế toàn cầu. Năm 2009 là năm đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng và khả năng sẽ kéo dài đến năm 2011. Việc này đã tác động trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của các công ty Thủy sản VN, trong đó có Incomfish.

Theo tổng kết của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt nam (Vasep) thì “năm 2009 là một năm lặn đạn của ngành Thủy sản Việt nam với nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu trong nước và các rào cản kỹ thuật và thuế quan. Bản tin Thương mại Thủy sản bình chọn ra 10 điểm nổi bật của ngành Thủy sản Việt nam trong năm 2009, trong đó có 2 điểm chính như sau

- Lần đầu tiên sau 13 năm, xuất khẩu Thủy sản đạt tăng trưởng âm (ước tính kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước giảm khoảng 6,6% so với năm 2008.
- Khủng hoảng nguyên liệu chế biến thủy sản, khiến giá tăng : do nông dân bị thất thu, thức ăn nuôi tăng, xăng dầu tăng...

(Theo Bản tin Thương mại Thủy sản ngày 08 / 01 / 2010)

Cùng trong tình hình khó khăn chung của ngành Thủy sản Việt nam, công ty cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Đầu năm do lạm phát nên đã đẩy vật giá tăng cao, vì vậy giá nguyên vật liệu cũng tăng hơn 20% so với năm 2008 đã đẩy chi phí sản xuất lên cao làm giảm sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 đã đem lại hiệu quả trong điều kiện kinh tế khó khăn đó, vì vậy doanh thu năm 2009 chỉ đạt 443,228. tỷ đồng (bằng 96,93% so với năm 2008), nhưng lợi nhuận sau thuế lại đạt 28,819 tỷ đồng (bằng 204% so với năm 2008).

Đứng trước những khó khăn chung, Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra những chiến lược phát triển công ty và không ngừng giám sát, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thúc đẩy sự hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ để lập hệ thống kiểm soát và báo cáo; đánh giá và thông qua hệ thống giám sát rủi ro; sự tuân thủ nội bộ và quy tắc hành xử. Từ đó giúp Tổng giám đốc kịp thời đưa ra những quyết định và biện pháp quan trọng, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty và hạn chế tối đa những rủi ro trong quản lý và kết quả lợi nhuận sau thuế tuy không đạt mục tiêu đề ra (bằng 94,50%) nhưng đã tăng hơn gấp đôi so với năm 2008 (28,81 tỷ/14,06 tỷ). Đây cũng là thành tích vượt bậc trong điều kiện khó khăn chung mà Ban TGD đã đạt được.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ 2008 và các mục tiêu chiến lược cho năm 2009 - 2010, các kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, các dự án hợp tác góp vốn, mở rộng thị trường nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường; Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra định hướng chiến lược dài hạn cho Công ty, bằng cách mở rộng nhiều lĩnh vực hoạt động, nhanh chóng nắm bắt thời cơ khi điều kiện cho phép nhằm đa dạng hóa ngành nghề. Cụ thể trong năm 2009 đã thực hiện được như sau:

- Dự án Nhà máy đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp (Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu) : Công ty sẽ góp 66.240.000.000 VNĐ để xây dựng nhà máy đông lạnh với công suất 150 tấn thành phẩm đông lạnh/ngày. Hiện nay dự án đã hoàn thiện một phần nhà xưởng và đã bắt đầu vận hành thử vào ngày 06 tháng 3 năm 2010 và sẽ đi vào hoạt động chính thức trong tháng 6/2010.

- Đầu tư máy móc thiết bị tại nhà máy Incomfish: dây chuyền chế biến sản phẩm bao bột tự động đã lắp đặt vào cuối tháng 3/2009, với tổng vốn đầu tư tương đương 2 triệu USD bao gồm nhập khẩu mới thiết bị và cải tạo nâng cấp nhà xưởng, và đầu tháng 6/2010 sẽ đi vào hoạt động chính thức. Hiện nay đã có những đơn hàng Cá tra tẩm bột mà nguyên liệu được cung cấp từ Nhà máy cá ở Đồng Tháp, Tôm tẩm bột sơ chế... góp phần tăng giá trị các sản phẩm gia tăng, tăng nguồn ngoại tệ xuất khẩu và lợi nhuận sẽ được thặng dư thêm từ 10-15%.

- Riêng dự án xây dựng Cao ốc văn phòng tại 32 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh: Công ty đã góp 39,6 tỷ VNĐ vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Saga để đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê, do tình hình tài chính năm 2008 kéo dài đến năm 2009 không thuận lợi nên chưa tiến hành xây dựng và với điều kiện khách quan của Thành phố qui hoạch lại Trung tâm Tp như báo cáo ở trên.

Song song với các dự án trên, HĐQT đã quan tâm chú trọng đến triển vọng của ngành Chế biến Thủy sản trên thế giới để đưa ra chiến lược lâu dài cho Công ty.

Khác với các nhà máy khác đặt ở vùng nguyên liệu và tập trung vào một mặt hàng chủ lực, Công ty Incomfish chú trọng vào các mặt hàng giá trị gia tăng, chất lượng cao và đa dạng hóa sản phẩm để tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt cho công ty. Các sản phẩm của Công ty được các thị trường EU, Mỹ, Nhật bản, ... chấp nhận. Đó là các thị trường khó tính và đòi hỏi chất lượng cao, đạt các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm từ con giống, thức ăn, vật nuôi đến bàn ăn. Công ty đã được các khách hàng lớn trên thế giới tín nhiệm và đặt hàng.

Từ đó, để phát huy thế mạnh của mình, đồng thời nâng cao vai trò quản lý của Ban điều hành Công ty, HĐQT đã đề nghị Ban TGD phát động phong trào tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động nhằm sản xuất ra sản phẩm tốt nhất và hiệu quả nhất với lời hiệu triệu “Tiết kiệm, chất lượng - vì INCOMFISH ngày mai”. Được sự đồng tình của toàn thể CNV, sản phẩm Incomfish đã luôn đáp ứng yêu cầu của thị trường và duy trì được mối quan hệ với khách hàng lâu dài, vì vậy trong điều kiện suy thoái kinh tế toàn cầu công ty vẫn duy trì được nguồn khách hàng ổn định và tạo được lợi nhuận đáng kể như trên. Phong trào này được tiếp tục duy trì liên tục và được Ban Kiểm toán nội bộ theo dõi đánh giá cụ thể.

Bước vào năm 2010 với nhiều khó khăn, thách thức phía trước. Ngoài các khó khăn chung do khủng hoảng tài chính toàn cầu làm giảm nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường chính, nguồn nguyên liệu khan hiếm..., còn phát sinh các khó khăn mới tại các thị trường lớn như :

- Đạo luật Nông nghiệp Farm Bill 2008 của Mỹ. Hiện nay còn đang xem xét, nếu đạo luật này được thi hành sẽ ảnh hưởng đến con đường xuất khẩu cá tra vào Mỹ.
- Quy định IUU của EU có hiệu lực từ 01/01/2010. Theo đó tất cả các lô hàng hải sản khai thác phải có chứng nhận khai thác hải sản, nếu thiếu sẽ không được phép xuất vào EU.

Tuy nhiên, song song với những khó khăn trên, công ty cũng có những thuận lợi cùng với thuận lợi chung của ngành Thủy sản Việt nam sẽ tác động tốt đến các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản:

- Nga nhập khẩu thủy sản Việt nam trở lại.
- Thuế chống bán phá giá tôm tại Mỹ giảm đáng kể. Cụ thể ICF giảm từ 4,57% xuống 2,98%. Như vậy tình hình xuất khẩu tôm vào thị trường Mỹ sẽ thuận lợi hơn.
- Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu long đến năm 2020.
- Thuế chống bán phá giá cá tra vào Mỹ của Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á châu là 0%.

Những khó khăn và thuận lợi nêu trên, cùng với tâm huyết của HĐQT và Ban TGD tôi hy vọng chúng ta sẽ nỗ lực hết sức để năm 2010 phải thành công như kế hoạch đã đề ra.

Thay mặt HĐQT, Tôi xin chúc toàn thể quý vị Cổ đông dồi dào sức khỏe, gặp nhiều may mắn trong cuộc sống, hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

III. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2009, trình Đại hội đồng Cổ đông hôm nay ngày 16/4/2010.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát được quy định theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản;

- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản được kiểm toán bởi Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A;

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2009 cụ thể như sau:

III.1 Thành viên Ban Kiểm soát và công việc đã thực hiện

Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên (01 thành viên bên trong và 02 thành viên bên ngoài).

Trong năm 2009, Ban Kiểm soát Công ty nhận được sự hỗ trợ đắc lực của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2009 được tiến hành một cách chủ động, theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp và việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty.

III.2 Về tình hình tài chính (theo Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán)

III.3 Nhận xét về tình hình hoạt động của Công ty

Các Báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo Tài chính được thực hiện đầy đủ hàng quý đảm bảo tính chính xác, hợp pháp trong việc ghi chép lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, lập Báo cáo Tài chính năm.

Về công bố thông tin: Trong năm 2009 Công ty thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo qui định.

III.4 Kế hoạch hoạt động năm 2010

Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông, Ban Kiểm soát sẽ lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát sẽ duy trì việc thực hiện tốt nhiệm vụ, chức trách của mình góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

IV.1 Báo cáo tình hình tài chính

Phân tích tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản (%)	21,83%	17,75%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản (%)	54,41%	62,63%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	47,93%	59,00%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	52,07%	41,00%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.03	0.02
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2.09	1.69
3. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản (%)	8,51%	3,48%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần (%)	7,05%	3,17%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH (%)	15,11%	8,26%
Cổ phiếu, cổ tức:		
Tổng số cổ phiếu thường	12.807.000 cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000 cổ phiếu	
Cổ tức năm 2009	Dự kiến 1.500 đồng/CP	

IV.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

Công tác điều hành quản lý

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2008 đã được Đại hội đồng thông qua;

- Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 đã được HĐQT thông qua.

Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009, đây là năm đỉnh điểm của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Đặc biệt, ngành Thủy sản gặp không ít khó khăn riêng của đặc điểm ngành nghề: về thời tiết thay đổi thất thường, tình hình nuôi trồng thất bại, ngư dân bị lỗ nặng nề do các Nhà máy chế biến bị thu hẹp thị trường tiêu thụ nên không mua dự trữ vì rủi ro và diễn biến thị trường rất phức tạp... Nhà máy không dám cam kết hay có bất cứ hứa hẹn gì cho lâu dài. Từ đó người nuôi đành phải bán bằng hoặc dưới giá vốn nên dẫn đến Người nuôi phải đành “treo hãm, treo ao” chờ thời ... Bên cạnh đó, giá xăng dầu tăng cao làm cho ngư dân không đi đánh bắt hoặc đánh bắt với giá thành cao, không hiệu quả nên tàu thuyền phải nằm bờ dài ngày, nguyên liệu từ khai thác biển giảm một cách rõ rệt.

Tuy đi vào sản xuất trong năm 2009, Công ty đã gặp khó khăn nhiều hơn thuận lợi và phải đối đầu với thị trường quốc tế có nhiều khó khăn chung, ngoài ra còn có biến động bất lợi, rào cản phi kỹ thuật, ... mà cả ngành thủy sản Việt Nam không thể lường hết trước được, nhưng Công ty đã nỗ lực, phấn đấu không ngừng và nhạy bén vận dụng các biện pháp thích ứng kịp thời để dần dần đi vào ổn định và phát triển nhằm đạt được những mục tiêu của HĐQT cũng như của toàn thể Cổ đông là đạt được lợi nhuận ngày càng cao, phát triển Công ty ngày càng bền vững.

Đối với các Cán bộ, nhân viên quản lý, chúng tôi thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và trong nước do VASEP và các Trung tâm đào tạo tổ chức. Thường xuyên cập nhật thông tin, nâng cao năng lực quản lý, xử lý kịp thời những tình huống của thị trường luôn biến động.

Chúng tôi cũng đã có kế hoạch tăng cường thiết bị chế biến và đóng gói nhằm để tăng năng suất lao động cho Công nhân, tăng sản lượng và giá trị xuất khẩu của Công ty đề ra. Công ty đã lắp đặt xong dây chuyền tẩm bột, sơ chế tự động, đã vận hành điều chỉnh để hoàn thiện hệ thống trong tháng 3/2009, đi vào sản xuất thử trong tháng 4/2009 và chính thức sản xuất theo đơn đặt hàng đầu tháng 6/2009. Đến nay đã bắt đầu có những Đơn đặt hàng lớn cho năm 2010.

Đã tổ chức thi tay nghề cho Công nhân, qua đó hầu hết Công nhân đã được nâng bậc tạo động lực cho Công nhân yên tâm, ổn định làm việc.

Liên tục tham gia các Hội chợ Thủy sản Quốc tế được tổ chức hàng năm tại Boston ở Mỹ, Brussell ở Bỉ,... nhằm quảng bá sản phẩm truyền

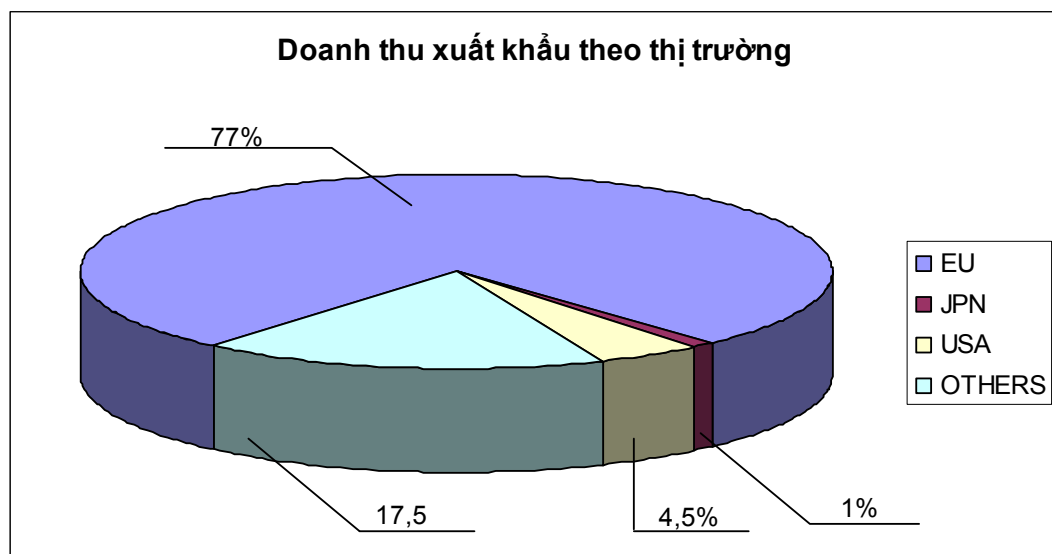
thống và các sản phẩm mới từ thiết bị mới đã đầu tư và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

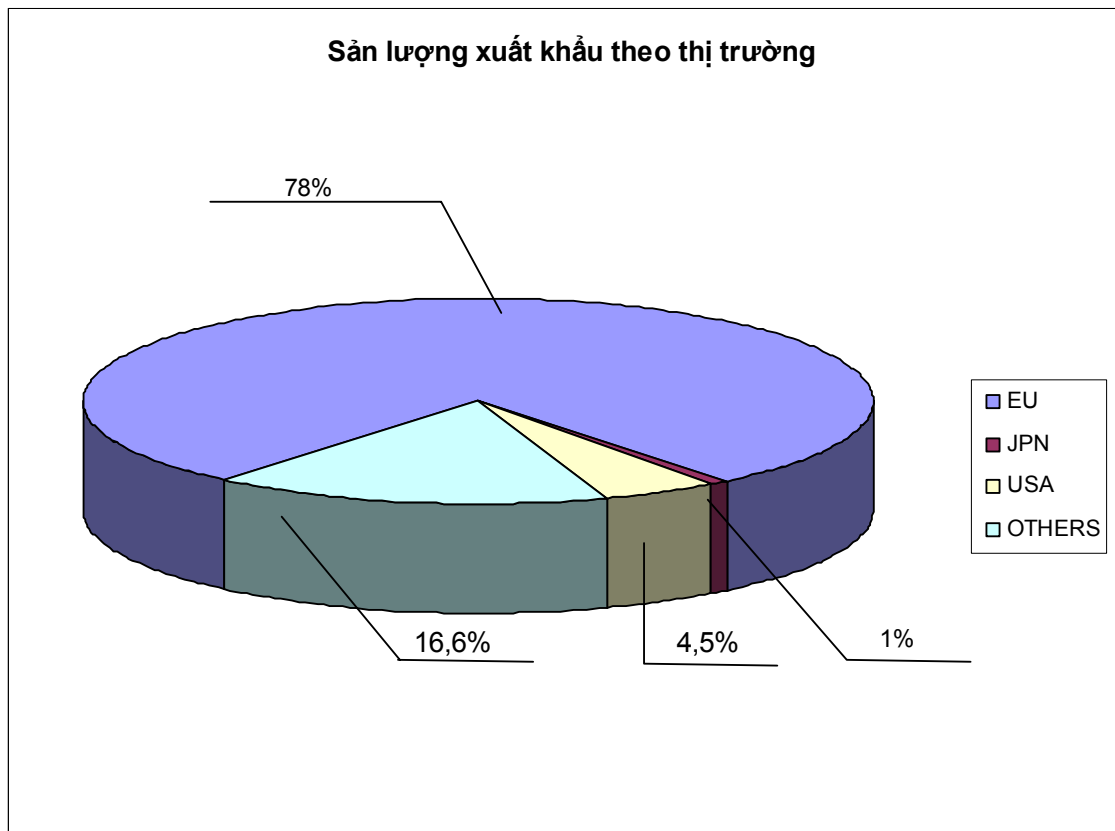
Qua những nỗ lực và đoàn kết quyết tâm của toàn thể CB-CNV nhằm thực hiện được những mục tiêu đã nêu ở trên, chúng tôi đã đạt được những kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	% so với năm 2008
1/ Tổng số lao động	750 người	887 người	84,55
Trong đó			
<i>Trực tiếp sản xuất</i>	<i>648 người</i>	<i>786 người</i>	<i>82,44</i>
<i>Gián tiếp sản xuất</i>	<i>102 người</i>	<i>101 người</i>	<i>100,99</i>
2/ Lương bình quân (VNĐ/người/tháng)	2,636 triệu	2,221 triệu	118,68
3/ Tổng doanh thu (VNĐ)	443,229 tỷ	459,119 tỷ	96,54
4/ Sản lượng xuất khẩu	4.088 tấn	5,097 tấn	80,20
5/ Tổng tài sản (VNĐ)	367,194 tỷ	416,849 tỷ	88,09
6/ Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	31,232 tỷ	14,502 tỷ	215,36
7/ Lợi nhuận sau thuế	28,895 tỷ	14,109 tỷ	204,80
8/ Vốn chủ sở hữu	128,070 tỷ	128,070 tỷ	100,00
9/ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	7,05%	3,17%	222,40
10/ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	15,11%	8,26%	182,93

Cơ cấu thị trường xuất khẩu năm 2009

Công ty vẫn duy trì ổn định ở các thị trường truyền thống là Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Tỷ lệ % ngoại tệ và sản lượng xuất khẩu theo từng thị trường như sau:





Quản lý chất lượng

Với phương châm hoạt động: Chất lượng là sự sống còn của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm; luôn luôn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm cho bất cứ khách hàng, thị trường khó tính nào.

Duy trì điều kiện và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Đảm bảo kết quả kiểm tra định kỳ của Nafiqaved (nay là NAFIQAD – Cục quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) đạt loại A.

Phòng kiểm nghiệm của Công ty luôn hoạt động hiệu quả, chính xác, kịp thời để Công ty chủ động kiểm soát từ nguyên liệu đến thành phẩm trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy, nhằm hạn chế tối đa những rủi ro, sai lỗi trong quy trình sản xuất.

Hoạt động tài chính

Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện tốt các chính sách về thuế.

Các chính sách đối với Người lao động

Đảm bảo ổn định việc làm cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động toàn Công ty 2.636.000 đồng/người/tháng, tăng 18,68% so với năm 2008.

Công ty đã không ngừng nâng cao đời sống Cán bộ - Công nhân viên, ngoài buổi cơm trưa và cơm chiều tăng ca theo qui định, Công ty vẫn duy trì tổ chức thêm buổi ăn sáng cho toàn thể công nhân đảm bảo đủ và vượt lượng calo cần thiết cho những công nhân làm việc ở khâu nặng nhọc.

Công ty cũng đã liên kết với người dân địa phương để xây dựng các khu nhà trọ đạt tiêu chuẩn cần thiết cho cuộc sống. Công ty có những chính sách ưu đãi cho công nhân gắn bó lâu dài với Công ty bằng cách hỗ trợ 100% tiền thuê nhà trọ. Đến cuối năm 2009, Công ty đã hỗ trợ đầu tư tăng thêm 24 phòng, nâng lên tổng số 199 phòng trọ, đủ đáp ứng chỗ ở cho trên 800 Công nhân. Đã được HEPZA và Thành phố nêu gương điển hình và mong muốn nhân rộng mô hình này cho toàn các KCN và Chế xuất Thành phố.

Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, phụ cấp độc hại cho Người lao động. Đảm bảo khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB-CNV 1 lần/năm. Riêng đối với công nhân làm việc ở các khâu tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục duy trì các chế độ khen thưởng Bàn tay vàng hàng tháng đối với các công nhân xuất sắc có năng suất cao, định mức chế biến tốt, ... nhằm khuyến khích và khen thưởng kịp thời cho Người lao động hăng hái thi đua và thực hành tiết kiệm.

Ngoài các hoạt động chăm lo đời sống vật chất cho Người lao động, Công ty còn chú trọng đến đời sống tinh thần của Người lao động. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt văn nghệ tập thể, thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí vào các dịp Lễ lớn của đất nước, tổ chức đi tham quan du lịch dành cho các đối tượng có thành tích xuất sắc trong lao động và gắn bó với Công ty. Đoàn viên Thanh niên và Đoàn viên Công đoàn của Công ty là nòng cốt trong phong trào văn thể mỹ của HEPZA và KCN Vĩnh Lộc phát động.

Công ty còn lập tủ sách thanh niên và đặt báo hàng ngày phân phối đến các khu nhà trọ, đảm bảo nhu cầu văn hóa, thông tin cho công nhân.

Khu nhà trọ công nhân của Công ty được Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (HEPZA) chọn làm khu điển hình trong việc giải quyết chỗ ở cho Người lao động có thu nhập thấp. Công ty đã đầu tư 2.733,90 m² đất nằm sát bên ngoài Khu Công nghiệp để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà lưu trú cho hơn 1.000 chỗ ở của Công nhân, nhà trẻ, các cửa hàng nhu yếu phẩm phục vụ cho Công nhân nhằm để họ yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty. Dự án đang trong quá trình triển khai các

thủ tục cần thiết để có thể tiến hành dự kiến xây dựng trong năm 2009, nhưng tình hình khủng hoảng tài chính kéo dài nên Dự án này sẽ được triển khai trong thời điểm thích hợp.

IV.3 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010

- Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch qua các năm và kết quả thực hiện năm 2009;

- Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng bình quân của Công ty qua các năm;

- Căn cứ vào năng lực thực tế của Công ty và bối cảnh thị trường trên thế giới hiện nay và dự đoán trong tương lai;

Công ty xây dựng kế hoạch SXKD trong năm 2010 như sau:

Kế hoạch sản lượng sản xuất

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	
	Sản lượng	Doanh thu
1/ XUẤT KHẨU	4.800 tấn	525,0 tỷ
Nhóm Tôm	3.600 tấn	450,0 tỷ
Nhóm Cá	1.000 tấn	63,0 tỷ
Nhóm Thực phẩm & Thủy sản khác	200 tấn	12,0 tỷ
2/ NỘI ĐỊA	100 tấn	5,0 tỷ
TỔNG CỘNG	4,900 tấn	530,0 tỷ

Nhu cầu Nguyên vật liệu – Vật tư cho sản xuất

Nhóm Nguyên liệu – Vật tư	Nhu cầu năm 2010
<i>Tỷ giá VNĐ/USD</i>	<i>19.000</i>
1/ Nguyên liệu chính	8.100 tấn
Nhóm Tôm	6.660 tấn
Nhóm Cá	1.100 tấn
Nhóm Thực phẩm & Thủy sản khác	400 tấn
2/ Trị giá nguyên liệu chính	338,0 tỷ
Nhóm Tôm	292,0 tỷ
Nhóm Cá	40,0 tỷ
Nhóm Thực phẩm & Thủy sản khác	6,0 tỷ

3/ Trị giá nguyên vật liệu phụ	32,6 tỷ
Bột	3,3 tỷ
Phụ gia	2,3 tỷ
Hóa chất	1,0 tỷ
Bao bì đóng gói	21,0 tỷ
Nhiên liệu, điện	5,0 tỷ

Các chỉ tiêu khác

Nhu cầu lao động	840 người
Trong đó: Trực tiếp	730 người
Gián tiếp	110 người
Tổng quỹ lương	39,750 tỷ
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	2.850.000 đ
Năng suất lao động bình quân (kg/người/ngày)	25 kg thành phẩm
Nhu cầu Vốn lưu động	170,000 tỷ
Lợi nhuận trước thuế	32,500 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	30,060 tỷ
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Khoảng 23,0%

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán được thể hiện như sau:

V.1 Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		199,805,520,904	261,088,120,620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,403,676,458	4,006,169,767
1. Tiền	111	V.01	4,403,676,458	4,006,169,767
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	259,200,000	314,880,000

1. Đầu tư ngắn hạn	121		531,000,000	531,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(271,800,000)	(216,120,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	109,511,331,614	164,005,433,423
1. Phải thu khách hàng	131		68,510,065,538	37,488,413,309
2. Trả trước cho người bán	132		37,879,336,843	25,270,081,927
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		3,121,929,233	2,439,325,920
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(1,192,387,733)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	75,931,089,496	86,006,275,073
1. Hàng tồn kho	141		84,027,536,310	87,924,010,140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8,096,446,814)	(1,917,735,067)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,700,223,336	6,755,362,357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8,293,555,926	5,188,170,480
3. Các khoản thuế phải thu	154	V.05	525,850,873	789,863,457
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	880,816,537	777,328,420
B. Tài sản dài hạn	200		167,388,615,261	155,761,063,600
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		80,147,125,874	73,973,903,738
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	73,432,434,663	66,313,851,614
- Nguyên giá	222		117,172,417,489	100,900,800,164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43,739,982,826)	(34,586,948,550)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	3,787,086,909	3,999,044,003
- Nguyên giá	228		5,788,007,600	5,712,920,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,000,920,691)	(1,713,875,997)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2,927,604,302	3,661,008,121
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	76,161,182,824	69,526,276,051
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65,026,276,051	65,026,276,051
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,134,906,773	4,500,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11,080,306,563	12,260,883,811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	11,080,306,563	12,260,883,811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		367,194,136,165	416,849,184,220
NGUỒN VỐN		<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>
A. Nợ phải trả	300		176,005,391,860	245,940,147,738
I. Nợ ngắn hạn	310		169,750,470,241	234,085,087,583
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	125,097,674,037	139,315,740,451
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	16,537,412,707	62,914,658,665
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	593,406,153	105,690,220
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	2,435,343,586	440,040,871

5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	5,929,633,827	3,027,501,334
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	19,156,999,931	28,281,456,042
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6,254,921,619	11,855,060,155
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	5,959,921,619	11,855,060,155
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		295,000,000	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	191,188,744,305	170,909,036,482
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		188,741,222,291	169,170,819,780
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,070,000,000	128,070,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,156,097,000	24,156,097,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		4,240,787,194	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,710,897,168	3,310,897,168
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,265,281,300	3,365,281,300
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,900,000,000	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17,398,159,629	10,268,544,312
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		2,447,522,014	1,738,216,702
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		2,447,522,014	1,738,216,702
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		367,194,136,165	416,849,184,220

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	1,192,387,733	-
5. Ngoại tệ - USD	191,802.17	113,761.55
- EUR	-	308.27
- JPY	-	571,374.0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

V.2 Báo cáo Kết quả kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
----------	-------	-------------	----------	----------

Doanh thu bán hàng và cung cấp					
1. dịch vụ	01		447,108,633,195	459,118,718,694	
2. Các khoản giảm trừ	03		3,879,857,356	2,076,599,403	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	443,228,775,839	457,042,119,291	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	370,353,773,778	394,757,500,079	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72,875,002,061	62,284,619,212	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	8,803,238,611	8,800,891,551	
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	22,312,680,825	18,627,216,091	
- Trong đó: lãi vay	23		11,662,504,240	10,289,037,035	
8. Chi phí bán hàng	24		14,180,569,915	21,883,942,952	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,932,685,370	16,342,071,756	
10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		28,252,304,562	14,232,279,964	
11. Thu nhập khác	31	VI.23	4,297,647,240	269,838,224	
12. Chi phí khác	32	VI.24	1,318,138,616	-	
13 Lợi nhuận khác	40		2,979,508,624	269,838,224	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		31,231,813,186	14,502,118,188	
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.25	2,336,753,557	392,855,899	
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28,895,059,629	14,109,262,289	
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	2,256	1,144	
18. (d/CP)	70		2,256	1,144	

V.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	31,231,813,186	14,502,118,188
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	9,692,003,096	6,852,145,709
Các khoản dự phòng	03	5,042,004,014	(956,770,948)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	409,778,816
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(58,347,849)	(58,763,750)
Chi phí lãi vay	06	11,662,504,240	10,289,037,035
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	57,569,976,687	31,037,545,050
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	53,039,637,628	(91,107,177,483)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3,896,473,830	10,961,333,777
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(49,052,437,895)	(14,782,487,572)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1,180,577,248	1,221,753,349
Tiền lãi vay đã trả	13	(11,662,504,240)	(10,289,037,035)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(382,337,286)	(94,090,948)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(52,239,000)	(469,767,212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54,537,146,972	(73,521,928,074)

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16,956,896,431)	(9,018,570,019)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1,150,019,048	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6,634,906,773)	(18,334,361,475)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	58,763,752
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22,441,784,156)	(27,294,167,742)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	30,210,000,000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	766,111,728,702	387,222,152,250
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(785,005,684,827)	(317,732,326,141)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(610,548,421)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(12,803,900,000)	(17,926,720,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31,697,856,125)	81,162,557,688
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	397,506,691	(19,653,538,128)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4,006,169,767	23,659,707,895
Tiền tồn cuối kỳ	70	4,403,676,458	4,006,169,767

V.4 Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064100 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 25/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM.

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2009:	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM.

Tổng số công nhân viên Công ty: 750 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty trong năm 2009 là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo Tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ Khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được Khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	08 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 15 năm

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

7. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ với thời gian từ 02 - 03 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở

để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

10. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Cho năm tài chính 2009, Công ty tạm trích dự phòng trợ cấp mất việc làm cho nhân viên với số tiền là 250.000.000 đồng.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 15% và 5 % từ lương Công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 2% và 1% từ lương Công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương Công nhân viên.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo Tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn Chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Năm 2009 là năm thứ 5 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

VI. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VI.1 Kiểm toán độc lập

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2010, từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo Tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo Tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo Tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản tại ngày 31/12/2009, cũng như Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CAI
Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2010

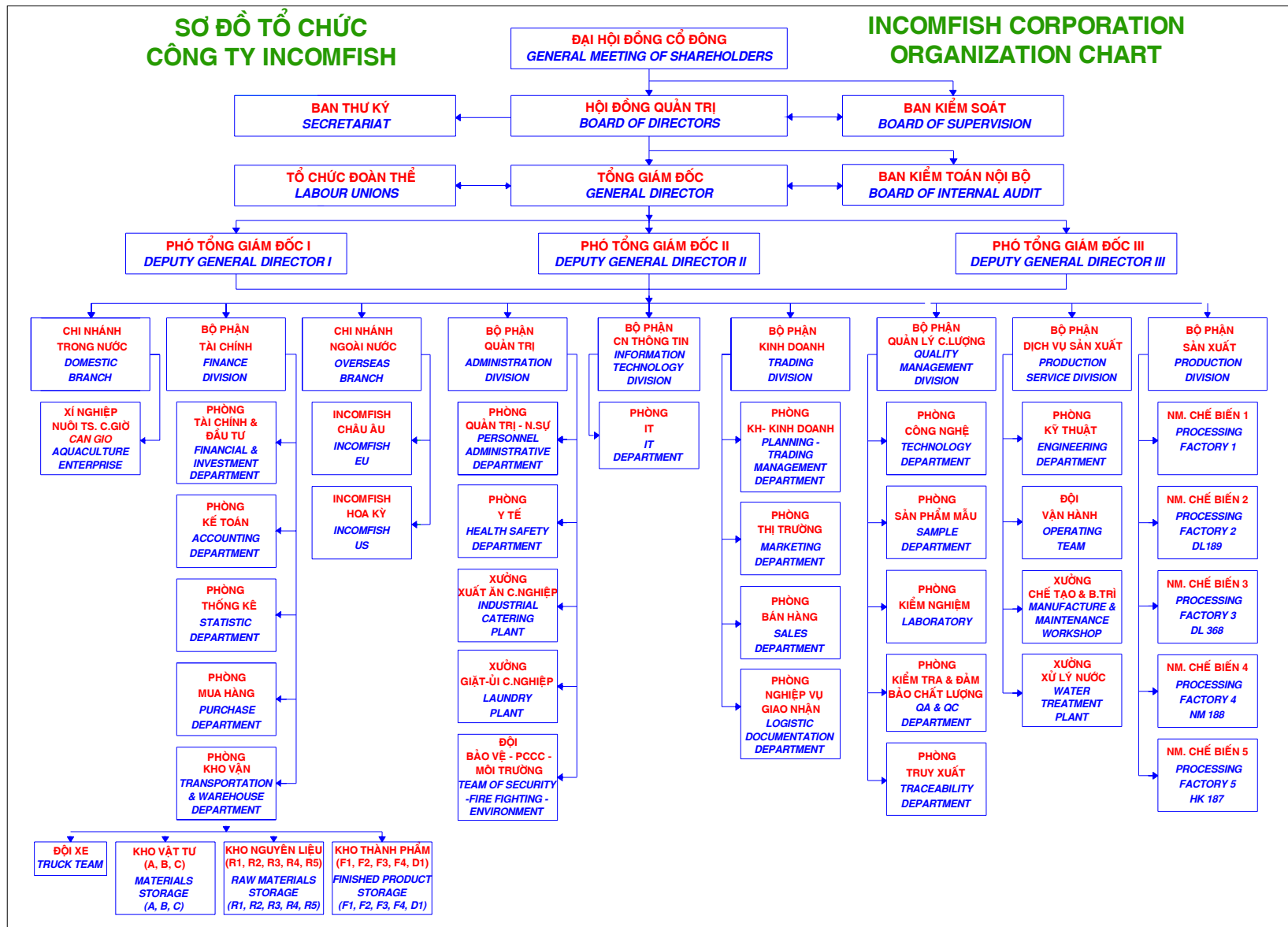
Nguyễn Văn Tuyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
Đ.0111/KTV

VI.2 Kiểm toán nội bộ

Ban kiểm toán nội bộ đã kiểm tra tính tuân thủ trong quá trình hoạt động của Công ty và tính trung thực của các Báo cáo hàng quý, năm 2009.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

VII.1. Sơ đồ tổ chức Công ty



Số lượng Cán bộ - Công nhân viên tính đến 31/12/2009 là 750 người.
Trong đó:

- + Thạc sĩ: 1 người
- + Đại học: 25 người
- + Cao đẳng và trung cấp: 50 người

Cổ cấu phân bố lao động:

- + Trực tiếp: 648 người
- + Gián tiếp: 102 người

VII.2 Danh sách HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

VII.2.1 Hội đồng Quản trị

Số lượng thành viên: 6 người, trong đó: + Thành viên bên trong: 4 người
+ Thành viên bên ngoài: 2 người

1. Nguyễn Thị Kim Xuân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/6/1959
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú: 16 Trần Cao Vân, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (848) 37 653 145/137
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế biến Thủy sản
- Quá trình công tác:
 - o Từ 1981 – 1991: Trưởng ban Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) Xí nghiệp Đông lạnh Việt Long – Sở Thủy sản Tp. HCM
 - o Từ 1991 – 1999: Giám đốc Trung tâm Đầu tư & XNK – Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn
 - o Từ 1999 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 2.348.522 cổ phần (18.34%)

- o Những người liên quan:
 - Ông Nguyễn Phát Quang (chồng): 540.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thu (em): 970.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2 Nguyễn Phát Quang – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/6/1952
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn Thị Diệu, P. 6, Quận 3, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (848) 38 235 665
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - o Từ 1975 – 1981: Cán bộ Bộ Nông nghiệp
 - o Từ 1981 – 1991: Cán bộ Bộ Thủy sản
 - o Từ 1991 – 2008: Chuyên viên Kinh tế CQ.TƯĐ TNCS HCM
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty TNHH SA GA
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 540.000 cổ phần (4.22%)
 - o Những người liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (vợ): 2.348.522 cổ phần
 - Ông Nguyễn Phát Quang Vinh (em): 50.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Trịnh Bá Hoàng – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/8/1960
- Nơi sinh: Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Trường Bình, Huyện Cần Giuộc, T. Long An
- Địa chỉ thường trú: 4A1-6 Sky Garden 2, Đô thị Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (848) 37 653 144/45
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý xí nghiệp Công Nghiệp, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - o Từ 11/1983 – 4/1986: Nhân viên Phòng kế hoạch Công ty Khai thác và chế biến Thủy sản Đà Nẵng
 - o Từ 4/1986 – 7/1987: Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Đông lạnh số 14 – Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (Công ty Khai thác và Chế biến Thủy sản Đà Nẵng sáp nhập vào Đông lạnh số 14)
 - o Từ 7/1987 – 5/1998: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Xí nghiệp Đông lạnh 32 Đà Nẵng (tách ra từ Đông lạnh số 14)
 - o Từ 5/1998 – 9/2001: Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (tiền thân là XN Đông lạnh 32 Đà Nẵng)
 - o Từ 10/2001 – 6/2002: Trưởng ban Quản lý dự án Nhà máy chế biến Thủy sản thuộc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish), đặt tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. HCM
 - o Từ 6/2002 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 277.200 cổ phần (2.16%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. Nguyễn Thị Kim Thu – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/4/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng

- Địa chỉ thường trú: 16 Trần Cao Vân, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (848) 37 653 142
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - o Từ 01/1984 – 11/1994: Nhân viên Phòng Kế toán Tài chính – Công ty Cấp nước Tp. HCM
 - o Từ 12/1994 – 9/2002: Kế toán trưởng Ban QLDA VIE – 1273 (SF) / Công ty Cấp nước Tp. HCM
 - o Từ 10/2002 – 8/2003: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
 - o Từ 9/2003 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 970.000 cổ phần (7.57%)
 - o Những người có liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (chị): 2.348.522 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

5. Cao Thanh Định – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/4/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: B68 Nam Thông 2, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn:
 - o Cử nhân Tài chính - Ngân hàng ,Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:
 - o 1995 - 2000: Giám đốc tín dụng Ngân hàng Deutsche Bank
 - o 2001 - 2002: Giám đốc Quan hệ khách hàng Ngân hàng United Overseas Bank
 - o 2002 - 2003: Trưởng phòng kinh doanh Công ty BHNT Bảo Minh - CMG
 - o 2003 - 9/2007: Giám Đốc Đầu tư & Dịch vụ Tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám Đốc Công Ty Quản Lý Quỹ Đông Á
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 9.500 cổ phần (0.07%)
 - o Những người có liên quan:
 - Bà Dương Thùy Hương (vợ): 28.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

6. Erik J.F.Smeys – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1964
- Nơi sinh: Louvain, Bỉ
- Quốc tịch: Bỉ
- Dân tộc: Bỉ
- Quê quán: Bỉ
- Địa chỉ thường trú: Oude Aarschotseweg 8, 3012 Wilsele, Bỉ
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +32 497 59 07 30
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - o Từ 7/1988 – 10/1988: Thực tập sinh tại Công ty Luật Fisher Porter & Kent – Long Beach California – Luật vận chuyển quốc tế
 - o Từ 7/1989 – 02/1992: Chuyên viên Phòng kế hoạch Công ty Thực phẩm Campbell ở Orpington, Anh quốc. Nhiệm vụ chính:

- Lập kế hoạch chiến lược 5 năm, thực hiện các kế hoạch ngân sách cho Công ty, kiểm soát và báo cáo tiến độ thực hiện
- o Từ 02/1993 – 5/1995: Chuyên viên tài chính và chiến lược của Công ty REDASCO. Nhiệm vụ chính:
 - Xác định và phân tích các cơ hội hợp tác kinh doanh
 - Điều hành các hoạt động kinh doanh của các chi nhánh của Công ty
 - Tư vấn chiến lược cho Hội đồng Quản trị
 - Tư vấn chiến lược M&A cho nhiều khách hàng khác nhau trong các lĩnh vực công nghiệp khác nhau
- o Từ 6/1995 – 11/2000: Giám đốc điều hành Công ty chế biến và phân phối thực phẩm Made in Sea với các chi nhánh tại Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Pháp. Nhiệm vụ chính:
 - Giám sát hoạt động hàng ngày của 2 nhà máy tại Bỉ và Đức và 3 văn phòng chi nhánh kinh doanh tại Pháp, Tây Ban Nha và Mỹ
 - Cải tiến phương pháp quản lý các chuỗi kinh doanh hướng tới mục đích tạo ra giá trị cộng thêm cho công ty và các đối tác kinh doanh
 - Bán hàng và tiếp thị: Quản lý phát triển kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của Công ty, quản lý các khách hàng lớn của Công ty ở Châu Âu, Trung Đông và Mỹ
 - Quản lý kênh cung cấp: Mua hàng ở Châu Âu, Viễn Đông (Việt Nam, Trung Quốc, Indonexia, Thái Lan, Bangladesh) và Châu Mỹ La tinh, giám sát hệ thống giao nhận và các hoạt động nhập khẩu.
- o Từ 02/2001 đến nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ. Nhiệm vụ chính: Tư vấn các chiến lược kinh doanh và phân tích vốn đầu tư.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 123.800 cổ phần (0.97%)
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

VII.2.2 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Nguyễn Thị Ngọc Thảo - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 28/5/1957
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 147 Trần Hữu Trang, P. 10, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (848) 37 653 144/45
- Trình độ văn hóa: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:
 - o Từ 1977 – 1981: Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ khí Đồng Khởi – Sở Công nghiệp Tp. HCM
 - o Từ 1981 – 1985: Kế toán tổng hợp Công ty RAMEICO
 - o Từ 1985 – 1991: Kế toán tổng hợp Công ty COSEVINA
 - o Từ 1991 – 1999: Kế toán trưởng Trung tâm Đầu tư & XNK
 - o Từ 1999 – 2003: Phó giám đốc Tài chính Công ty Incomfish
 - o Từ 2003 đến nay: Thành viên Ban kiểm toán nội bộ Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng Ban kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 16.000 cổ phần (0.12%)
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. *Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thành viên Ban kiểm soát*

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC LINH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/02/1976
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dân Hòa, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây

- Địa chỉ thường trú: Số 4, ngõ 50/6 Chính Kinh, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (848) 38 218 666 Ext: 166
- Trình độ chuyên môn:
 - o Cử nhân Kinh tế .
 - o Thạc sỹ Tài chính công - Fulbright – ĐH Havard
- Quá trình công tác:
 - o Từ 1998 – 2003: Kế toán trưởng – Công ty FINTEC
 - o Từ 2004 – nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - o Từ 2006 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân
 - o Từ 2006 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
 - o Từ 04/2007 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. **Nguyễn Thị Hạnh Phúc – Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/11/1957
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: P59-C9 Kim Liên, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (844) 35 147 140/090 3381 4290
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngoại thương
- Quá trình công tác:

- o Từ 1978 – 1987: Giáo viên trường PTCS Huỳnh Thúc Kháng, Hải Phòng
- o 1987 – 1988: Kế toán Công ty Giao nhận Ngoại thương, Bộ Ngoại thương
- o 1988-1992: Kế toán Công ty ESACO, Tp. Hồ Chí Minh
- o 1993 -1997: Cán bộ kinh doanh Công ty Hạ Long, Bộ Quốc phòng
- o 1997 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Maika
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: Không
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

VII.2.3 Thành viên Ban Tổng giám đốc

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc hiện gồm 3 thành viên. Trong năm 2009, Ban TGD Công ty đã bổ sung 1 Phó TGD.

1. Trịnh Bá Hoàng - Tổng giám đốc

Xem chi tiết phần HĐQT.

2. Nguyễn Thị Kim Thu - Phó Tổng giám đốc

Xem chi tiết phần HĐQT.

3. Đặng Việt Hùng - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/02/1963
- Nơi sinh: Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 92/2C Nguyễn Trãi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (848) 37653144/45
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt
- Quá trình công tác:

- o Từ 1987 – 3/2000: Nhân viên kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng Cơ điện lạnh Nhà máy F115, Tp. Nha Trang.
- o Từ 3/2000 – 11/2000: Nhân viên kỹ thuật Công ty Searefico Tp. HCM.
- o Từ 11/2000 đến nay: Lần lượt làm Phó Ban quản lý dự án, Giám đốc bộ phận Dịch vụ sản xuất, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản.
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 4.340 cổ phần (0,03%)
 - o Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VIII.1 Tổng quan về Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

- * Số lượng thành viên HĐQT: 06 người,
trong đó: + Thành viên bên trong: 04 người
+ Thành viên bên ngoài: 02 người

1/. Nguyễn Thị Kim Xuân - Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
2/. Nguyễn Phát Quang Phó Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
3/. Trịnh Bá Hoàng Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
4/. Nguyễn Thị Kim Thu Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
5/. Cao Thanh Định Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
6/. Erik Smeys Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010

- * Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 03 người
trong đó: + Thành viên bên trong: 01 người
+ Thành viên bên ngoài: 02 người

**** Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập***

Trong số thành viên của HĐQT có 2 thành viên bên ngoài không tham gia điều hành Công ty:

1/ Ông Cao Thanh Định:

Hiện là Tổng Giám Đốc Công Ty Quản Lý Quỹ Đông Á của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ... và được phân công phụ trách về 2 lĩnh vực này cho HĐQT.

2/ Ông Erik Smey:

Hiện đang sống tại Bỉ. Với thuận lợi là người bản xứ, Ông Erik có nhiều kinh nghiệm về thị trường và yêu cầu đòi hỏi của người tiêu dùng Châu Âu, Hoa kỳ, ... Ông đã hỗ trợ Công ty về mặt khai thác thị trường và chăm sóc khách hàng.

**** Hoạt động của Ban Kiểm soát***

Ban Kiểm soát đã kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty và tính trung thực của các Báo cáo Tài chính hàng quý, năm 2009.

**** Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty***

Thường xuyên cập nhật các kiến thức quản trị doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc quản trị Công ty. Cử cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung tham gia các khóa đào tạo quản lý doanh nghiệp; quản lý chuyên ngành; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

**** Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát***

Đến hết niên khóa tài chính 2009, ngoài tiền lương của các thành viên trực tiếp điều hành, Công ty đã chi thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát 360 triệu đồng theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2008.

**** Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty***

- Nguyễn Thị Kim Xuân
- Nguyễn Phát Quang
- Trịnh Bá Hoàng
- Nguyễn Thị Kim Thu
- Nguyễn Thị Ngọc Thảo

**** Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT***

Không thay đổi tính đến thời điểm 31/12/2009.

**** Cổ đông lớn và các giao dịch khác của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên***

Không thay đổi tính đến thời điểm 31/12/2009.

VIII.2 Các dữ liệu thống kê về cổ đông

CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	12,504,050	125,040,500,000	97.63%	302,950	3,029,500,000	2.37%	12,807,000	128,070,000,000	100.00%
1. Cổ đông đặc biệt	4,165,562	41,655,620,000	32.53%	123,800	1,238,000,000	0.97%	4,289,362	42,893,620,000	33.49%
- Hội đồng quản trị	4,145,222	41,452,220,000	32.37%	123,800	1,238,000,000	0.97%	4,269,022	42,690,220,000	33.33%
- Ban giám đốc	4,340	43,400,000	0.03%	-	-	0.00%	4,340	43,400,000	0.03%
- Ban kiểm soát	16,000	160,000,000	0.12%	-	-	0.00%	16,000	160,000,000	0.12%
2. Cổ đông cá nhân khác	7,676,180	76,761,800,000	59.94%	174,290	1,742,900,000	1.36%	7,850,470	78,504,700,000	61.30%
3. Cổ đông tổ chức	642,541	6,425,410,000	5.02%	2,750	27,500,000	0.02%	645,291	6,452,910,000	5.04%
4. Cổ phiếu chưa lưu ký	19,767	197,670,000	0.15%	2,110	21,100,000	0.02%	21,877	218,770,000	0.17%
5. Cổ phiếu quỹ	-	-	0.00%	-	-	0.00%	-	-	0.00%

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
Chủ tịch HĐQT.

Nguyễn Thị Kim Xuân